BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003644 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02591.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG VANI - DIELAC MAMA GOLD**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-8

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 900 g

Ngày nhận mẫu : 08/02/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Thu Thủy

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	18/02/2021
2	*Salmonella spp.*	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	18/02/2021
3	*Listeria monocytogenes*	HD.PP.09.03/TT.VS (TCVN 7700-2:2007) (d)	< 10 CFU /g	18/02/2021
4	Độc tố ruột của tụ cầu (Staphylococcal enterotoxins)	HD.PP.19.02/TT.VS	Âm tính/25g	22/02/2021
5	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	HD.PP.03.07/TT.VS (TCVN 4830-1:2005) (ISO 6888:1999 with amendment 1:2003) (b) (d)	< 10 CFU /g	18/02/2021

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-02-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003645 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02592.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG VANI - DIELAC MAMA GOLD**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-8

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 900 g

Ngày nhận mẫu : 08/02/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Thu Thủy

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/02/2021
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/02/2021
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/02/2021
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	19/02/2021
5	Thiếc (Sn)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 2 mg/kg	19/02/2021

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 -02- 2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003646 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02593.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG VANI - DIELAC MAMA GOLD**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-8

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 900 g

Ngày nhận mẫu : 08/02/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Thu Thủy

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,02 µg/kg	17/02/2021
2	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	23/02/2021

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-02-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003648 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02595.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG VANI - DIELAC MAMA GOLD**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-8

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 900 g

Ngày nhận mẫu : 08/02/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Thu Thủy

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	20/02/2021
3	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	20/02/2021
4	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	09/02/2021
5	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	19/02/2021
6	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	17/02/2021
7	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	21/02/2021
8	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	21/02/2021
9	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	19/02/2021

Mã số mẫu: 02595.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
10	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	19/02/2021
11	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	20/02/2021
12	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	20/02/2021
13	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	19/02/2021
14	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	20/02/2021
15	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	19/02/2021
16	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	20/02/2021
17	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	19/02/2021
18	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	19/02/2021
19	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	19/02/2021
20	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	20/02/2021
21	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	20/02/2021
22	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	19/02/2021
23	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/02/2021
24	Diminazen	Ref. J.AOAC,Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	20/02/2021
25	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/02/2021
26	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/02/2021
27	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
28	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
29	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
31	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	20/02/2021
32	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	09/02/2021
33	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
34	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/02/2021
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/02/2021
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	17/02/2021
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	17/02/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-02-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thinh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003649 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02596.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG VANI - DIELAC MAMA GOLD**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-8

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 900 g

Ngày nhận mẫu : 08/02/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Thu Thủy

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	17/02/2021
3	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	17/02/2021
4	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	17/02/2021
5	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021
6	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	17/02/2021
7	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	17/02/2021
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	17/02/2021
9	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	21/02/2021
10	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	09/02/2021
11	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/02/2021
12	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021

Mã số mẫu: 02596.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021
14	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021
15	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/02/2021
16	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	21/02/2021
17	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	17/02/2021
18	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	17/02/2021
19	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	17/02/2021
20	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	17/02/2021

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-02-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh